TRƯỜNG TIỂU HỌC .....

Họ và tên: .....

Lớp: 4 .....

Điểm	Lời phê của thầy cô

ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ I

Môn: Toán lớp 4 · Đề số 24

Năm học 2026-2027 · Thời gian làm bài: 40 phút

A. TRẮC NGHIỆM (4 điểm) *Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.*

Câu 1. *(0,5 điểm)* Giá trị của chữ số 9 trong số 81 953 710 là:

A. 900 000 **B.** 9 **C.** 9 000 000 **D.** 90 000

Câu 2. *(0,5 điểm)* Làm tròn số 77 387 559 đến hàng trăm nghìn ta được số:

A. 77 000 000 **B.** 77 400 000 **C.** 77 390 000 **D.** 77 300 000

Câu 3. *(0,5 điểm)* Số bé nhất trong các số 3 864 904, 3 844 906, 3 865 904, 3 844 806 là:

A. 3 844 906 **B.** 3 864 904 **C.** 3 865 904 **D.** 3 844 806

Câu 4. *(0,5 điểm)* Tính bằng cách thuận tiện: 8571 + 9967 + 33 = ……

A. 18 571 **B.** 18 581 **C.** 19 571 **D.** 18 471

Câu 5. *(0,5 điểm)* Hình chữ nhật có chu vi 122 cm, chiều dài hơn chiều rộng 5 cm. Chiều dài hình chữ nhật là:

A. 63 cm **B.** 35 cm **C.** 33 cm **D.** 28 cm

Câu 6. *(0,5 điểm)* Một hội trường có 9 hàng ghế, mỗi hàng 30 ghế, người ta kê thêm 32 ghế nhựa. Có 261 người đến họp, mỗi người ngồi một ghế. Số ghế còn trống là:

A. 302 **B.** 41 **C.** 9 **D.** 73

Câu 7. *(0,5 điểm)* 6000 kg = …… tấn

A. 6 **B.** 60 **C.** 7 **D.** 600

Câu 8. *(0,5 điểm)* Hình bình hành ABCD có AB = 26 cm, BC = 18 cm. Chu vi hình bình hành là:

A. 88 cm **B.** 468 cm **C.** 104 cm **D.** 44 cm

B. TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 9. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) Số gồm 7 triệu, 2 chục nghìn, 7 trăm và 9 đơn vị viết là: ……

b) Số «một triệu bốn trăm mười lăm nghìn hai trăm bảy mươi bảy» viết là: ……

c) Làm tròn số 118 326 đến hàng trăm nghìn được: ……

Câu 10. *(1 điểm)* Đặt tính rồi tính (viết kết quả vào chỗ chấm):

a) 441 788 + 233 522 = ……

b) 862 797 − 123 185 = ……

c) 15 745 × 5 = ……

d) 13 580 : 7 = ……

Câu 11. *(1 điểm)* Điền dấu >, <, = vào chỗ chấm:

a) 2 tấn 500 kg ……. 5200 kg

b) 4 m² 50 dm² ……. 450 dm²

c) 5 thế kỉ ……. 501 năm

d) 493 612 ……. 492 612

Câu 12. *(1 điểm)* Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 6 tấn 36 kg = ……. kg

b) 3 tạ = ……. yến

c) 5 m² 38 dm² = ……. dm²

d) 6 phút 52 giây = ……. giây

Câu 13. *(1 điểm)* Đúng ghi Đ, sai ghi S:

a) Góc bẹt bằng hai góc vuông	
b) 1 tấn = 100 kg	
c) Số 2 221 689 là số chẵn	
d) 1 dm² = 10 cm²	

Câu 14. *(1 điểm)* Ngày thứ nhất cửa hàng bán được 1232 kg gạo. Ngày thứ hai bán được gấp 3 lần ngày thứ nhất. Ngày thứ ba bán được ít hơn ngày thứ hai 198 kg. Hỏi cả ba ngày cửa hàng bán được bao nhiêu ki-lô-gam gạo?

a) Ngày thứ hai bán được: ……. kg

b) Ngày thứ ba bán được: ……. kg

c) Cả ba ngày bán được: ……. kg

HẾT

ĐÁP ÁN VÀ HƯỚNG DẪN CHẤM

Đề kiểm tra cuối học kỳ I Toán lớp 4 · Đề số 24

A. Trắc nghiệm (mỗi câu đúng 0,5 điểm)

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	A	B	D	A	C	B	A	A

B. Tự luận (mỗi câu 1 điểm)

Câu 9.

a) 7 020 709

b) 1 415 277

c) Chữ số hàng chục nghìn là 1 nên được 100 000

Câu 10.

a) 441 788 + 233 522 = 675 310

b) 862 797 − 123 185 = 739 612

c) 15 745 × 5 = 78 725

d) 13 580 : 7 = 1940

Câu 11.

a) 2500 < 5200

b) 450 = 450

c) 500 < 501

d) 493 612 > 492 612

Câu 12.

a) 6000 + 36 = 6036

b) 1 tạ = 10 yến: 30

c) 500 + 38 = 538

d) 6 × 60 + 52 = 412

Câu 13.

a) Đ; b) S; c) S; d) S

Câu 14.

Ngày thứ hai: 1232 × 3 = 3696 (kg)

Ngày thứ ba: 3696 − 198 = 3498 (kg)

Cả ba ngày: 1232 + 3696 + 3498 = 8426 (kg)